TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị M, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1999; Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1994; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. *Người làm chứng*:

3.1. Ông N, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

3.2. Bà T, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

3.3. Ông V, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3.4. Bà M1, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, chị M, trình bày: Chị và anh Đ do quen biết, tìm hiểu nhau trước và đi đến hôn nhân. Năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, vui vẻ, đến khoảng đầu năm 2019, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm (mâu thuẫn trong nói chuyện, ứng xử của chồng, việc chăm sóc con, chuyện tiền bạc…). Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước nên chị yêu cầu ly hôn anh Đ.

Bị đơn anh Đ, trình bày: Anh và chị M cưới nhau vào ngày 12 tháng 7 năm 2017. Hôn nhân là do tự tìm hiểu, quen biết nhau trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra. Cách nay khoảng 03 tháng, cha vợ anh có xảy ra tai nạn giao thông nhưng không nặng lắm nên không cho vợ chồng anh biết. Đến khi vợ anh gọi điện nói chuyện với chị vợ mới biết. Anh biết tin cũng có gọi hỏi thăm cha vợ. Cha vợ nói không sao. Anh cũng gọi hỏi mẹ vợ. Mẹ vợ nói không sao, hai vợ chồng khỏi về. Sáng hôm sau, chị M đòi về nhà cha mẹ vợ và đi một mình. Hai ngày sau, mẹ vợ gọi điện, kêu anh qua rước vợ anh về và anh có nhờ mẹ vợ đưa về giùm, nhưng mẹ vợ không chịu, bắt buộc anh phải về bên đó sinh sống, chứ không cho chị M về bên đây, không thì sẽ cho vợ chồng anh ly hôn. Anh có nhờ mẹ vợ đưa vợ về giùm mà không đưa. Sau đó, thuê xe qua nhà anh để bắt con anh đi, anh không đồng ý. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì nữa. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không thống nhất ly hôn vì còn thương vợ, muốn vợ chồng hàn gắn để chăm sóc cho con.

Phần các đương sự thống nhất được:

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần các đương sự không thống nhất được:

Về hôn nhân: Chị M yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ không thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị M yêu cầu anh Đ giao con chung tên T1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2018, cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không thống nhất giao con cho chị M và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị cấp dưỡng.

Người làm chứng, ông N và bà T trình bày: Ông, bà là cha, mẹ của chị M. Anh Đ và chị M quen biết nhau khi đi làm thuê ở Đồng Nai rồi tiến tới hôn nhân.

Lúc mới quen nhau, chị M có đưa anh Đ về nhà chơi mấy lần, thấy con thương và thấy anh Đ cũng hiền nên ông, bà đồng ý cho chị M và anh Đ kết hôn. Sau khi kết hôn, thì chị M về sống với gia đình anh Đ được khoảng 01 tuần thì hai vợ chồng chị M lên Bình Dương đi làm. Gần đến ngày sinh con thì chị M về nhà ông, bà để sinh, được 01 tháng thì ông, bà đưa chị M về nhà anh Đ để làm đầy tháng cho cháu. Từ đó, chị M sống chung với gia đình anh Đ luôn. Hàng ngày, chị M chăm sóc con và trông coi nhà cửa. Chị M tự lo sữa, tả cho con chứ bên gia đình anh Đ không lo sữa, tả gì cho cháu hết. Còn anh Đ cũng không làm, chỉ phụ cha, mẹ làm rẫy và nuôi cá lóc. Ông, bà không nghe vợ chồng chị M mâu thuẫn, cãi vã gì. Có lần nghe chị M nói lại là chị M bị bệnh, bác sĩ chỉ định truyền nước biển nhưng anh Đ không đồng ý. Thấy chị M điện về khóc, ông, bà thấy xót con nhưng cũng khuyên cố gắng lo cho cháu. Có lần cháu T1 bị bệnh phải nhập viện bệnh viện Tân Châu. Ông bà có qua thăm, nhưng không biết đường, gọi cho chị M. Chị M kêu anh Đ ra đón thì hai vợ chồng chị M cãi nhau một lúc, anh Đ mới ra đón, nhưng không thưa hỏi cha mẹ vợ, cho tới lúc ông, bà về cũng không hỏi tiếng nào. Ông, bà cũng không biết vợ chồng anh Đ có mâu thuẫn gì với nhau nhưng thấy chị M về sống bên chồng, lạ xứ, lạ người, không quen biết ai mà anh Đ không quan tâm vợ như vậy nên ông, bà có khuyên chị M cố gắng chịu đựng để lo cho cháu. Còn việc ly hôn là ý kiến của chị M, ông, bà không có ý kiến gì hết. Con thấy hạnh phúc thì tiếp tục sống, còn không hạnh phúc thì ly hôn tùy theo ý kiến của con.

Người làm chứng, ông V và bà M1 trình bày: Ông, bà là cha, mẹ ruột của anh Đ. Anh Đ và chị M quen biết nhau khi đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh rồi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng Điền, My cũng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khi chị M sắp sinh con mới về đây sống và nuôi con. Hàng ngày, chị M chỉ chăm sóc con và phụ làm công việc nhà với mẹ chồng, còn anh Đ thì phụ cha làm rẫy và nuôi cá lóc. Sống chung trong nhà ông, bà không thấy vợ chồng anh Đ có xảy ra mâu thuẫn hay xích mích gì với nhau, chỉ có việc ông sui là cha của chị M bị tai nạn rồi chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 03 tháng nay. Ông, bà và anh Đ có gọi hỏi thăm và kêu chị M về nhưng chị M không chịu, chị M nói chờ anh Đ qua rước. Bà có nói lại do cháu T1 còn nhỏ, mến cha lắm nên anh Đ không đi được, nói chị M bắt xe ôm về để chăm sóc cháu T1, nhưng chị M không chịu về cho đến nay. Ông, bà không biết vì lý do gì mà chị M yêu cầu ly hôn với anh Đ. Ông, bà cũng muốn chị M về bên đây sống để vợ chồng hàn gắn lại, lo làm ăn và chăm sóc, nuôi dạy cháu T1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị M ly hôn với anh Đ. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh Đ giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M là chưa đủ căn cứ, vì: Tòa án đã thông báo yêu cầu chị M giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Đ có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để làm căn cứ cho ly hôn nhưng chị M chưa cung cấp được chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Mặt khác, tuổi đời của chị M và anh Đ còn trẻ, thời gian anh chị không còn sống chung chưa lâu, nên cần có thời gian để hàn gắn. Do đó, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Tòa án chưa xem xét về con chung, tài sản chung.

[5] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung vụ án chưa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì nguyên đơn chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số BH/2018/0000930 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và

Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung, tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số BH/2018/ 0000930 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú